

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 160/1998/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 1998

## QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp Giấy đến năm 2010*

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp (công văn số 1178/TT-KHĐT ngày 18 tháng 4 năm 1998) và Báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 5788/BKH-CN-VPTĐ ngày 19 tháng 8 năm 1998),*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp Giấy Việt Nam đến năm 2010 do Bộ Công nghiệp lập, theo các nội dung chính sau đây:

#### 1. Mục tiêu:

Mục tiêu phát triển của ngành Công nghiệp Giấy đến năm 2010 là khai thác và phát triển các nguồn lực sản xuất, đảm bảo 85% - 90% nhu cầu tiêu dùng trong nước, từng bước tham gia hội nhập khu vực. Đổi mới thiết bị và hiện đại hóa công nghệ, kết hợp hài hòa giữa đầu tư xây dựng mới với đầu tư chiều sâu, mở rộng các cơ sở hiện có, phát triển vùng nguyên liệu, cân đối giữa tiêu dùng và sản xuất, xuất nhập khẩu, tăng sản lượng, đảm bảo chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa, góp phần tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

#### 2. Quan điểm:

##### a) Về công nghệ:

Đối với các công trình đầu tư xây dựng mới và các dự án cải tạo, mở rộng của các cơ sở sản xuất chủ lực của ngành phải sử dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến, hiện đại, tự động hóa ở mức cao nhằm tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các vật tư sản xuất, bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế. Việc đầu tư mua các thiết bị cũ đã qua sử dụng chỉ thực hiện để nâng cấp, cải tạo các cơ sở hiện có với quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ và thiết bị quá cũ kỹ, lạc hậu và phải được xem xét kỹ đối với từng dự án cụ thể.

b) Về quy mô và công suất các dự án đầu tư:

Định hướng phát triển lâu dài của ngành công nghiệp giấy là tập trung vào các dự án quy mô lớn và vừa để đảm bảo sản xuất có hiệu quả, trong giai đoạn phát triển trước mắt có đầu tư các dự án quy mô nhỏ để tận dụng những thế mạnh tại chỗ như nguyên vật liệu, thị trường, nhân lực... nhất là các tỉnh miền núi, Tây Nguyên...

c) Về bố trí quy hoạch:

Việc xây dựng các cơ sở sản xuất giấy phải nghiên cứu, đánh giá rất kỹ về địa điểm, đặc điểm nguồn nguyên liệu, nhu cầu thị trường (tại chỗ và trên địa bàn cả nước), điều kiện hạ tầng và khả năng huy động vốn đầu tư. Việc bố trí quy hoạch phát triển nguồn nguyên liệu giấy phải phù hợp với quy hoạch chung của ngành nông nghiệp, gắn liền với quy hoạch giống cây trồng, đặc điểm từng vùng về điều kiện tự nhiên (thổ nhưỡng, khí hậu), điều kiện xã hội và phải đi đôi với việc xác định mô hình hợp lý về hệ thống sản xuất và tổ chức quản lý các vùng nguyên liệu cũng như chính sách giá nguyên liệu và phương thức thu mua, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất.

Ngành giấy phải có biện pháp đầu tư sản xuất bột giấy nhằm tăng nhanh sản lượng bột giấy trong nước, phấn đấu đến năm 2003 không phải nhập bột giấy.

Phát triển công nghiệp giấy, gồm cả vùng nguyên liệu, phải được thực hiện trong mối liên kết chặt chẽ với bảo vệ an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường cảnh quan, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa và góp phần vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

d) Về huy động các nguồn vốn đầu tư:

Tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài một cách hợp lý, đảm bảo vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước. Việc thực hiện phương châm này

là tùy thuộc vào đặc điểm của từng dự án, từng địa phương, từng giai đoạn cụ thể để quyết định phương thức đầu tư thích hợp (trong nước tự đầu tư hoặc liên doanh với nước ngoài).

### 3. Các chỉ tiêu của quy hoạch:

#### a) Các chỉ tiêu về công suất thiết kế:

|                    | <b>Đơn vị</b> | <b>2000</b> | <b>2002</b> | <b>2010</b> |
|--------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Sản lượng giấy     | Tấn           | 325.000     | 375.000     | 1.050.000   |
| Sản lượng bột giấy | Tấn           | 216.000     | 435.000     | 1.015.000   |

#### b) Các chỉ tiêu về sản lượng:

|                    | <b>Đơn vị</b> | <b>2000</b> | <b>2002</b> | <b>2010</b> |
|--------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Công suất giấy     | Tấn           | 300.000     | 375.000     | 1.050.000   |
| Công suất bột giấy | Tấn           | 215.000     | 400.000     | 1.015.000   |

#### c) Các chỉ tiêu về nhu cầu vốn đầu tư:

|                                        | <b>Đơn vị</b> | <b>1997 - 2002</b> | <b>2003 – 2010</b> |
|----------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------|
| Vốn đầu tư nhà máy                     | Triệu<br>USD  | 1.590              | 1.690              |
| Vốn đầu tư phát triển vùng nguyên liệu | Triệu<br>USD  | 1997 – 2010<br>320 |                    |

Khối lượng vốn đầu tư đến năm 2010 chỉ là định hướng, Bộ Công nghiệp, Tổng công ty Giấy Việt Nam căn cứ điều kiện thực tế để hiệu chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.